



Số: 0007-10/22-07-02-KQPT

Tp, HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên Công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải trên Sông Thị Vải, tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000): X=420340; Y=1164435
Ngày lấy mẫu : 12/10/2022 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN40: 2011/BTNMT (Cột B) $K_q=1; K_r=0,9$	Phương pháp phân tích
1	pH*(30,7°C)	-	6,74	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ*	°C	30,7	40	SMEWW 2550.B:2017
3	TSS*	mg/L	14	90	SMEWW 2540.D: 2017
4	COD*	mg/L	40	135	SMEWW 5220.C: 2017
5	BOD ₅ *	mg/L	17	45	TCVN 6001-1:2008
6	Tổng N*	mg/L	6,85	36	TCVN 6638: 2000
7	Tổng P*	mg/L	0,64	5,4	TCVN 6202: 2008
8	NH ₄ ⁺ (tính theo N)*	mg/L	1,78	9	TCVN 6179-1:1996
9	NO ₂ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,049	-	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ - B:2017
10	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	2,01	-	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ - .E:2017
11	S ²⁻ *	mg/L	KPH (MDL = 0,45)	0,45	SMEWW 4500-S ²⁻ - .C&D:2017
12	Tổng Phenol*	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,45	TCVN 6216:1996
13	CN ⁻ *	mg/L	KPH (MDL=0,0015)	0,09	SMEWW 4500-CN- .B,C&E:2017
14	Fe*	mg/L	0,29	4,5	TCVN 6177: 1996
15	As*	mg/L	KPH (MDL=65×10 ⁻⁵)	0,09	TCVN 6626:2000
16	Hg*	mg/L	KPH (MDL=25×10 ⁻⁵)	0,009	TCVN 7877:2008
17	Pb*	mg/L	KPH (MDL=0,0021)	0,45	SMEWW 3113.B: 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 - Hotline: 0986 709 307 - 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vnwebsite: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN40: 2011/BTNMT (Cột B) K _q =1; K _r =0,9	Phương pháp phân tích
18	Cd*	mg/L	KPH (MDL=13×10 ⁻⁵)	0,09	SMEWW 3113.B: 2017
19	Zn*	mg/L	KPH (MDL=0,015)	2,7	TCVN 6193:1996
20	Cu*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	1,8	TCVN 6193: 1996
21	Ni*	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,45	TCVN 6193:1996
22	Mn*	mg/L	KPH (MDL=0,013)	0,9	SMEWW 3111.B:2017
23	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH (MDL=0,015)	-	SMEWW 3111.B: 2017
24	Cr (III)*	mg/L	KPH (MDL=0,015)	0,9	SMEWW 3111B:2017+ TCVN 6658:2000
25	Cr (VI)*	mg/L	KPH (MDL=0,0016)	0,09	TCVN 6658:2000
23	Ba*	mg/L	KPH (MDL=0,05)	-	SMEWW3114D:2017
27	Ca ²⁺ *	mg/L	19,2	-	SMEWW 3111.B:2017
28	Mg ²⁺ *	mg/L	7,4	-	SMEWW 3111.B:2017
29	Độ đục*	NTU	7,15	-	SMEWW 2130.B:2017
30	SO ₄ ²⁻ *	mg/L	59,6	-	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E:2017
31	DO*	mgO ₂ /L	3,22	-	TCVN 7324: 2004
32	EC*	mS/cm	68,9	-	SMEWW 2510B:2017
33	Cl ⁻ *	mg/L	90,7	900	TCVN 6194: 1996
34	Clo dư*	mg/L	0,071	1,8	SMEWW 4500- Cl.G:2017
35	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	0,75	9	SMEWW 5520.B& F: 2017
36	Tổng cacbon hữu cơ (Total Organic Carbon, TOC)*	mg/L	13,7	-	TCVN 6634:2000
37	Hydrocacbon*	mg/L	2,88	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D
38	Coliform*	MPN/ 100mL	2.200	5.000	TCVN 6187-2-1996

31078
CÔNG
CỔ P
H VU C
SÀI G
PHỐ



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn

website: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.2 / KQPT)

KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

BỘ PHÂN ĐO ĐẶC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Cúc





Số: 0007-10/22-07-03-KQPT

Tp. HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho cảng PVGas Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau hệ thống bể tự hoại 3 ngăn
Ngày lấy mẫu : 12/10/2022 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B	Phương pháp phân tích
1	pH* (30,9 ⁰ C)	-	6,71	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS*	mg/L	29	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD ₅ *	mg/L	31	50	TCVN 6001-1:2008
4	TDS*	mg/L	357	1000	SOP_HTN05
5	S ²⁻ *	mg/L	1,01	4	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)*	mg/L	5,62	10	TCVN 6179-1:1996
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	9,78	50	SMEWW 4500- NO ₃ ⁻ .E:2017
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)*	mg/L	1,87	10	TCVN 6202: 2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,9	20	SMEWW 5520.B& F: 2017
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,70	10	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/ 100mL	4.300	5000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.2 / KQPT)

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC



Hồ Thị Kim Cúc



Số: 0007-10/22-07-04-KQPT

Tp. HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên Công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước sông Thị Vải khu vực cách vị trí xả nước thải 100m về phía thượng lưu
(X: 1164808; Y: 0420608)
Ngày lấy mẫu : 12/10/2022 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT Cột B2	Phương pháp phân tích
1	pH* (28,3 ⁰ C)	-	6,67	5,5–9	TCVN 6492:2011
2	DO*	mg/L	4,01	≥2	TCVN 7325: 2016
3	TSS*	mg/L	15	100	SMEWW 2540.D: 2017
4	COD*	mg/L	19	50	SMEWW 5220.C: 2017
5	BOD ₅ *	mg/L	9	25	TCVN 6001-1:2008
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)*	mg/L	KPH (MDL=0,011)	0,9	TCVN 6179-1:1996
7	Cl ⁻ *	mg/L	7.989	-	TCVN 6194: 1996
8	F ⁻ *	mg/L	KPH (MDL=0,02)	2	SMEWW 4500-F-B&D:2017
9	NO ₂ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,017	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ -B: 2017
10	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	0,95	15	TCVN 6180:1996
11	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)*	mg/L	KPH (MDL=0,011)	0,5	TCVN 6202: 2008
12	CN ⁻ *	mg/L	KPH (MDL=0,0015)	0,05	SMEWW 4500-CN-B,C&E:2017
13	Tổng Phenol*	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,02	TCVN 6216:1996
14	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	KPH (MDL=0,3)	-	SMEWW 5520.B& F: 2017
15	Mn*	mg/L	KPH (MDL=0,013)	1	SMEWW 3111.B:2017
16	Ni*	mg/L	KPH	0,1	TCVN 6193:1996

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 - Hotline: 0986 709 307 - 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vnwebsite: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT Cột B2	Phương pháp phân tích
			(MDL=0,02)		
17	Fe*	mg/L	0,59	2	TCVN 6177: 1996
18	As*	mg/L	KPH (MDL=65×10 ⁻⁵)	0,1	TCVN 6626:2000
19	Hg*	mg/L	KPH (MDL=25×10 ⁻⁵)	0,002	TCVN 7877:2008
20	Cd*	mg/L	KPH (MDL=13×10 ⁻⁵)	0,01	SMEWW 3113.B:2017
21	Pb*	mg/L	KPH (MDL=0,0021)	0,05	SMEWW 3113.B: 2017
22	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH (MDL=0,005)	1	SMEWW 3111.B:2017
23	Cr (VI)*	mg/L	KPH (MDL=0,0016)	0,05	TCVN 6658:2000
24	Cu*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	1	TCVN 6193: 1996
25	Zn*	mg/L	KPH (MDL=0,015)	2	TCVN 6193:1996
26	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	KPH (MDL=0,01)	0,5	TCVN 6622-1:2009
27	Aldrin*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
28	Benzene hexachloride (BHC)*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,02	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
29	Dieldrin*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
30	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs)*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	1,0	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
31	Heptachlor & Heptachlorepoxyde*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,2	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
32	Tổng cacbon hữu cơ * (Total Organic Carbon, TOC)	mg/L	7,0	-	TCVN 6634:2000
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bq/L	KPH (MDL=0,021)	0,1	TCVN 8879:2011
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	Bq/L	KPH (MDL=0,018)	1,0	TCVN 8879:2011

031078
CÔNG
CỔ PH
DỊCH VỤ CÔNG
SÀI G
PHỐ HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vnwebsite: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT Cột B2	Phương pháp phân tích
35	E.coli*	MPN/100ml	9	200	TCVN 6187-2:1996
36	Coliform*	MPN/100ml	380	10.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.2 / KQPT)

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh chất lượng nước mặt

**BỘ PHÂN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****Nguyễn Thanh Sơn****GIÁM ĐỐC****Hồ Thị Kim Cúc**



Tp. HCM, ngày 21 tháng 10 năm 2022

Tên Công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
 Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
 Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
 Loại mẫu : Nước sông Thị Vải khu vực cách vị trí xả nước thải 100m về phía hạ lưu
 (X: 1164808; Y: 0420608)
 Ngày lấy mẫu : 12/10/2022 Lần ban hành : 01

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vnwebsite: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08- MT:2015/ BTNMT Cột B2	Phương pháp phân tích
19	Hg*	mg/L	KPH (MDL=25×10 ⁻⁵)	0,002	TCVN 7877:2008
20	Cd*	mg/L	KPH (MDL=13×10 ⁻⁵)	0,01	SMEWW 3113.B:2017
21	Pb*	mg/L	KPH (MDL=0,0021)	0,05	SMEWW 3113.B: 2017
22	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH (MDL=0,005)	1	SMEWW 3111.B:2017
23	Cr (VI)*	mg/L	KPH (MDL=0,0016)	0,05	TCVN 6658:2000
24	Cu*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	1	TCVN 6193: 1996
25	Zn*	mg/L	KPH (MDL=0,015)	2	TCVN 6193:1996
26	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	KPH (MDL=0,01)	0,5	TCVN 6622-1:2009
27	Aldrin*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
28	Benzene hexachloride (BHC)*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,02	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
29	Dieldrin*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
30	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs)*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	1,0	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
31	Heptachlor & Heptachlorepoxyde*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	0,2	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
32	Tổng cacbon hữu cơ (Total Organic Carbon, TOC)*	mg/L	8,2	-	TCVN 6634:2000
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bq/L	KPH (MDL=0,021)	0,1	TCVN 8879:2011
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	Bq/L	KPH (MDL=0,018)	1,0	TCVN 8879:2011
35	E.coli*	MPN/ 100ml	12	200	TCVN 6187-2:1996
36	Coliform*	MPN/ 100ml	430	10.000	TCVN 6187-2:1996





CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn

website: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.2 / KQPT)

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về về chất lượng nước mặt

BỘ PHÂN ĐO ĐẶC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Cúc





Số: 0007-10/22-07-01-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Chất lượng không khí
Ngày lấy mẫu : 12/10/2022
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³
5	Hydrocarbons (C _x H _y)*	NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³
6	H ₂ S*	MASA 701	MASA 701	0,0047 mg/m ³
7	CO ₂ *	Thiết bị đo khí CO ₂ hiện số TESTO 535	-	0÷17.998 mg/m ³

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	CO ₂	H ₂ S	C _x H _y
	mg/m ³						
1. Khu vực cầu cảng 1, có tọa độ X: 01164702; Y:00420482	0,15	2,05	0,035	0,015	461	KPH	1,05
2. Khu vực cầu cảng 2, có tọa độ X: 01164523; Y: 00420366	0,13	1,96	0,051	0,018	423	KPH	1,01
3. Khu vực đuốc thấp áp (kho LPG lạnh), có tọa độ X: 01164396; Y: 00420442	0,15	-	0,048	0,016	441	-	1,10
4. Khu vực giữa 2 bồn chứa LPG (kho LPG lạnh), có tọa độ X: 01164204; Y: 00420557	0,12	-	0,039	0,021	405	-	0,98
QCVN 05:2013/BTNMT	0,3	30	0,35	0,2	-	-	-
QCVN 06:2009/BTNMT	-	-	-	-	-	0,042	5



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN

ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911

Email: info@hsevn.com.vn

website: <https://hsevn.com.vn>

MST: 031.078.0286

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 693-10/22-1.2 / KQPT)

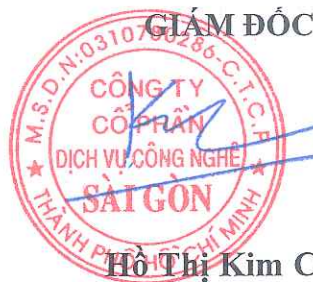
KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn



Hồ Thị Kim Cúc

